TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 829/2023/DS-PT
Ngày: 10/8/2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ chung cư về yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lê Thị Ngọc Hương.

*Các Thẩm phán:*Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31/7/2023 và ngày 10/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ chung cư về yêu cầu bồi thường thiệt hại".Do Bản án dân sự sơ thẩm số 4032/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1537/2023/QĐPT - DS ngày 07 tháng 4 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2081/2023/QĐPT - DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2871/2023/QĐPT - DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:***

Bà Huỳnh Thị Hiếu H, sinh năm 1980Địa chỉ: 51/23 đường số B, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Ông Võ Quang V là luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số C V, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn*****:**

2.1. Bà Bùi Thúy Q, sinh năm 1973 Địa chỉ: A Chung cư F N, phường I, quận P, Thành phố H mặt)

2.2. Ông Trịnh Vinh P, sinh năm 1973địa chỉ cư trú: 617 Q, khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết theo hồ sơ khai tử số 22/2023 tại UBND thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Công ty cổ phần T; địa chỉ trụ sở: số B U, phường B, quận B, Thành phố H đại diện theo ủy quyền ông Võ Xuân C xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đã trình bày:

Ngày 19/11/2015, bà Huỳnh Thị Hiếu H và bà Bùi Thúy Q, ông Trịnh Vinh P có ký thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng căn hộ C7-09, tầng số I, S, phường T, quận T (nay thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 870.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2015, bà Huỳnh Thị Hiếu H và vợ chồng bà Q, ông P có ký hợp đồng đặt cọc số: 020237 tại Văn phòng C2 nhằm đảm bảo việc mua bán căn hộ nêu trên (căn hộ nêu trên được bà Q mua của Công Ty Cổ Phần T "sau đây gọi tắt là Đất X" theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 124/HĐMB-ĐX, ngày 19/10/2010). Theo đó, bà Huỳnh Thị Hiếu H đã thanh toán cho vợ chồng bà Q số tiền là 780.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2015 vợ chồng bà Q, ông P đã bàn giao nhà cho bà Huỳnh Thị H1 H và giấy tờ liên quan đến căn hộ nêu trên. Đồng thời, bà Huỳnh Thị Hiếu H cũng sử dụng căn hộ ổn định từ đó cho đến nay.

Tại thời điểm bà Huỳnh Thị Hiếu H giao dịch thì vợ chồng bà Q, ông P xác nhận rằng đã thanh toán đầy đủ tiền mua căn hộ cho Đất X và cung cấp cho bà Huỳnh Thị H1 Hạnh 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng nộp tiền mà Công ty T xuất cho vợ ông P, bà Q thể hiện số tiền là 1.078.903.037 đồng (có hóa đơn kèm theo) và bà Q xác nhận đã nộp đủ tiền.

Tuy nhiên, Đất X đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức trong đó yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 124/HĐMB-ĐX, ngày 19/10/2010 giữa Đất X và vợ chồng bà Q đối với căn hộ nêu trên. Bà Q lại thừa nhận rằng là Q chưa thanh toán đủ tiền mua căn hộ nêu trên cho Đất X như thỏa thuận.

Theo đó, ngày 23/4/2020, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức) đã xét xử sơ thẩm theo Bản án số: 66/2020/DS-ST, chấp thuận yêu cầu khởi kiện của Đ (chấm dứt Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư giữa bà Q và Đất X).

Việc Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (Nay thành phố T) tuyên hủy Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số:124/HĐMB-ĐX, ngày 19/10/2010 giữa Đất X và vợ chồng bà Q, ông P dẫn đến đối tượng của Hợp đồng đặt cọc số: 020237, ngày 25/11/2015 giữa bà Huỳnh Thị Hiếu H với bà Q, ông P không thực hiện được.

Tại bản án sơ thẩm số: 66/2020/DS-ST của Tòa Án Nhân Dân Quận Thủ Đức xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bà Q và ông P, bên bán Đất X không có lỗi. Quan hệ tranh chấp nếu phát sinh từ Hợp đồng đặt cọc số: 020237, ký ngày: 25/11/2015 giữa bà Huỳnh Thị Hiếu H và bà Q, ông P sẽ do các bên tự thỏa thuận hoặc có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.Sau đó bà Huỳnh Thị Hiếu H kháng cáo.

Tại bản án phúc thẩm số: 761/2020/DS-PT, ngày 11/08/2020 của TAND Tp. HCM tiếp tục xác định lỗi 100% hoàn toàn thuộc về vợ chồng bà Q, ông P. Theo đó, tòa buộc vợ chồng bà Q, ông P phải trả cho bà Huỳnh Thị Hiếu H số tiền 780.000.000đ. Ngoài ra tòa nhận định bà Huỳnh Thị Hiếu H có quyền khởi kiện yêu cầu bà Q, ông P bồi thường thiệt hại trong vụ án khác.

Vì vậy bà Huỳnh Thị Hiếu H đã làm đơn khởi kiện bà Q và ông P để tòa án giải quyết. Cụ thể:

Việc để Hợp đồng mua bán căn hộ bị hủy bỏ là lỗi hoàn toàn do vợ chồng bà Q, ông P, dẫn đến đối tượng của Hợp đồng đặt cọc không thực hiện được đã gây thiệt hại cho bà Huỳnh Thị Hiếu H.

Theo kết quả thẩm định giá ngày: 07/02/2020, căn hộ C, tầng 9 thuộc dự án T (S) quận T có giá là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Theo việc mua bán giữa bà Huỳnh Thị H1 H và vợ chồng bà Q thì bà Huỳnh Thị H1 H đã thanh toán cho ông bà tương đương 90% (89,65%) giá trị căn hộ, bà Huỳnh Thị Hiếu H đã nhận nhà về ở từ 2015 đến nay, bà Huỳnh Thị Hiếu H đã chi phí tôn tạo, đầu tư, sửa chữa … và nay giá căn hộ đã tăng lên theo giá thị trường là: 1.600.000.000đồng nhưng bà Huỳnh Thị H1 H phải trả lại căn hộ cho Đất X, đây là một thiệt hại lớn cho bà Huỳnh Thị Hiếu H. Thiệt hại này do hành vi gian dối của vợ chồng bà Q gây ra cho bà Huỳnh Thị Hiếu H, vì vậy vợ chồng bà Q, ông P phải có trách nhiệm đền bù các thiệt hại này cho bà Huỳnh Thị H1 H theo đúng quy định tại điều 427 Bộ luật dân sự 2015.

Cụ thể:

1. Giá trị căn hộ trên là: 1.600.000.000đ, nhưng bà Huỳnh Thị Hiếu H đã thanh toán cho vợ chồng bà Q số tiền là: 780.000.000đ (tương đương 89,65%), vậy giá trị căn hộ tính thiệt hại còn lại tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án trên là: 1.434.400.000đồng.

2. Số tiền mà bà Huỳnh Thị H1 H bị thiệt hại là: 654.400.000đồng = (1.434.400.000đồng - 780.000.000đ).

Nay bà Huỳnh Thị Hiếu H khởi kiện: Buộc vợ chồng bà Bùi Thúy Q, ông Trịnh Vinh P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Huỳnh Thị H1 H số tiền: 654.400.000 (sáu trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (ba triệu đồng), đề nghị Tòa buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Hiếu H.

Bị đơn trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án như sau:

Bà Bùi Thúy Q: Không đồng ý bồi thường như phía nguyên đơn khởi kiện vì H làm sai nguyên tắc hợp đồng, lúc đầu Đất X yêu cầu bà Q hoặc bà H trả tiền cho Đất X số 233.000.000 đồng (là tiền thiếu hợp đồng với Đất X), bà Q có yêu cầu bà H thanh toán số tiền này thì bà H không đồng ý trả, Bà Q có yêu cầu bà H trả lại căn hộ chung cư để bà Q tiếp tục đóng tiền nhưng bà H cũng chịu. Trong hợp đồng đặt cọc mua bán căn hộ chung cư ký ngày 25/11/2015 tại Văn phòng C2, tại Điều số 4 của Hợp đồng quy định chỉ khi có giấy chứng nhận thì hai bên phải ký hợp đồng mua bán, nếu không thực hiện ký chuyển nhượng thì phải bồi thường gấp đôi số tiền đã nhận, trong việc này căn hộ chung cư chưa ra sổ nên hai bên không thực hiện hợp đồng được, bên bán không có lỗi, chỉ trả lại cọc theo án sơ thẩm và phúc thẩm đã tuyên. Căn hộ chung cư C tầng 9 (số căn hộ là 8.7) thuộc dự án cao ốc T (S) thuộc quyền sở hữu của công ty T đã được xét xử theo bản án sơ thẩm do đó nguyên đơn lấy biên bản định giá ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá để làm căn cứ xét xử thì bà Q không có ý kiến gì.

Ông Trịnh Vinh P không đồng ý bồi thường và trình bày giống như bà Q. Ông P đồng ý biên bản định giá ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá, theo đó giá căn hộ C7-09 tầng 9 (số căn hộ là 8.7) thuộc dự án cao ốc T (S) diện tích 70,6m^2 là 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do người đại diện theo ủy quyền ông Võ Xuân C1 trình bày*:**

Tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án giải quyết, Công ty T nhận thấy không còn liên quan gì nữa. Căn hộ chung cư C tầng 9 (số căn hộ là 8.7) thuộc dự án cao ốc T (S) thuộc quyền sở hữu của công ty T đã được xét xử theo bản án sơ thẩm và Phúc thẩm, do đó việc định giá là việc của tòa án, đề nghị các bên đương sự thực hiện theo bản án đã tuyên.

- Tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lý do nguyên đơn khởi kiện bị đơn bồi thường thiệt hại theo giá trị chênh lệch căn hộ chung cư là vì:

1.Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 124/HĐMB-ĐX ngày 19/10/2010 giữa ông P, bà Q với Công ty T bị hủy là do lỗi hoàn toàn do ông P và bà Q không thanh toán cho công ty T theo thỏa thuận của hợp đồng, dẫn đến đối tượng đặt cọc giữa ông P, bà Q với bà H không thực hiện được, đã gây ra thiệt hại cho bà H. Bà Q có đủ điều kiện để chuyển nhượng cũng như đặt cọc cho người thứ 3 là bà H đối với căn hộ chung cư nói trên vì căn hộ chung cư C tầng 9 (số căn hộ là 8.7) thuộc dự án cao ốc T (S) chủ đầu tư chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, phù hợp với Điều 59 của Luật kinh doanh bất động sản năm 2014, phù hợp với khoản 1 Điều 20 Thông tư 16 hướng dẫn Luật nhà ở.

2. Xét về nghĩa vụ thanh toán: bà H với ông P, bà Q mặc dù chỉ mới ký hợp đồng đặt cọc nhưng thực chất đây là giao dịch mua bán căn hộ mà nghĩa vụ thanh toán của bà H đã thực hiện xong cho bà Q và ông P, phần còn lại 90.000.000 đồng là phần bà H thanh toán các khoản lệ phí, chi phí đo vẽ và

cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nha ở, thuế trước bạ ra tên bà Q và ông P, thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng từ ông P, bà Q sang tên cho bà H. Tổng số tiền bà H đã thanh toán cho ông P, bà Q gồm: tiền cọc: 410.000.000 đồng và 20.000.000 đồng giấy viết tay ngày 19/11/2015, ngày 25/11/2012 bà H thanh toán tiếp cho ông P, bà Q số tiền 350.000.000 đồng và ông P, bà Q đã giao nhà cho bà H và giao giấy tờ bản chính căn hộ cho bà H.

3. Xét về việc ký hợp đồng mua bán: việc ký hợp đồng mua bán chỉ là thủ tục vì phía bà Q, ông P đã cam kết với Đất X xin cấp giấy chứng nhận và sẽ sang tên cho bà H, nghĩa vụ thanh toán và chuyển giao tài sản thì hai bên đã hoàn tất như một hợp đồng mua bán căn hộ. Tuy nhiên việc 2 bên không ký hợp đồng mua bán căn hộ được là do bà Q, ông P gian dối trong quá trình mua bán căn hộ nhằm mục đích để lấy hết số tiền mua bán căn hộ mà không thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận và ký sang tên cho bà Q, bà Q và ông P là người biết rõ ông P và bà Q còn nợ công ty T 233.139.276 đồng nhưng đã bỏ mặc trách nhiệm đóng tiền cho công ty T để công ty T làm thủ tục cấp giấy chủ quyền mặc dù phía bà H đã đôn đốc ông P, bà Q đóng tiền cho Công ty T nhưng ông P, bà Q không hợp tác dẫn đến công ty T khởi kiện ra tòa và Tòa án đã tuyên hủy hợp đồng mua bán căn hộ, đã gây thiệt hại cho bên mua căn hộ là bà H 654.400.000 đồng.

4. Án phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bà Q có lỗi hoàn toàn dẫn đến chấm dứt hợp đồng.

5. Căn cứ pháp lý yêu cầu bồi thường Điều 360, 361, 362, 363, 364, 584, 584 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Bùi Thúy Q trình bày: không đồng ý yêu cầu kiện của nguyên đơn. Bị đơn chỉ có lỗi với công ty T, không có lỗi với bà H, bản án phúc thẩm chỉ xác định nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu bồi thường; 03 hóa đơn bà cung cấp cho bà H thể hiện số tiền thanh toán cho Công ty T, tuy nhiên bà đã thông báo cho bà H biết rõ số tiền còn thiếu công ty T và phải đóng cho Công ty T hơn 200.000.000 đồng nhưng giữa bà và bà H không lập biên bản thông báo.

- Đại diện ủy quyền của Công ty T xác định bà Q và ông P ký bán căn hộ cho bà H thì phía Công ty T không nhận được thông báo đã bán cho bà H, trên thực tế người mua căn hộ vẫn là bà Q và ông P, ông P và bà Q chưa làm thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho bà H; căn hộ chưa có giấy chủ quyền nên phía bà Q, ông P chưa đủ điều kiện để bán cho người thứ 3 mà chỉ được chuyển giao quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ theo Điều 59 của Luật kinh doanh Bất động sản năm 2014. Đến nay chỉ duy nhất căn hộ này chưa nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 4032/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hiếu H:

1. Buộc bị đơn bà Bùi Thúy Q và ông Trịnh Vinh P có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hiếu H số tiền 436.266.666 (bốn trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Bùi Thúy Q và ông Trịnh Vinh P chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì bị đơn bà Bùi Thúy Q và ông Trịnh Vinh P còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/11/2022 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hiếu H2 bị đơn bà Bùi Thúy Q nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sư sơ thẩm số 4032/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn là ông Võ Quang V thuộc luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo, vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Các bên không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án, không bên nào nộp thêm các chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được giao nộp tại cấp sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

- Theo Công văn số 1304/UBND ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn C cung cấp thông tin tài liệu theo yêu cầu của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Trịnh Vĩnh P1 (bị đơn) chết ngày 23/02/2023 theo Trích lục khai tử số 22/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp ngày 24/02/2023.

- Theo Công văn số 1677/UBND ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn C xác minh người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trịnh Vĩnh P1: Ông P1 có đăng ký kết hôn với bà Bùi Thúy Q; Người đi khai tử là ông

Trịnh Phương N (con ông P1); ông P1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại số F Q, khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, chủ hộ là bà Trịnh Nguyệt M (em ruột ông P1), không có thông tin vợ con ông P1.

- Tại phiên tòa ngày phúc thẩm ngày 31/7/2023, bà Bùi Thúy Q khai bà và ông P1 có 02 người con chung là Trịnh Phương N (sinh năm 2001), Trịnh Gia K (sinh năm 2004). Bà được biết ông P1 còn 02 người con riêng nhưng bà không biết họ tên, sinh sống ở đâu. Cha ông P1 đã chết trước khi bà tổ chức đám cưới với ông P1, bà không biết mẹ ông P1 là ai, còn sống hay chết.

- Bị đơn ông Trịnh Vĩnh P1 đã chết ngày 23/02/2023 theo Trích lục khai tử số 22/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp ngày 24/02/2023. Do đó cần xác minh làm rõ: Ông P1 có để lại tài sản hay không? Ai là người thừa kế tài sản của ông P1? Để từ đó xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P1 để đưa vào tham gia tố tụng. Đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm và cấp phúc thẩm không khắc phục được. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, để đảm bảo hai cấp xét xử, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hiếu H, bị đơn bà Bùi Thúy Q.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hiếu H, bị đơn bà Bùi Thúy Q.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 4032/2022/DS-ST ngày 02/11/2022của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Tp . giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; Án phí dân sự phúc thẩm Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét, đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H1 H và bị đơn bà Bùi Thúy Q đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ tại Công văn số 1304/UBND ngày 22/6/2023 và công văn số 1677/UBND ngày 22/6/2023 của UBND thị trấn C, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin như sau:

" Ông Trịnh Vinh P, sinh ngày 03/01/1973 đã chết theo trích lục khai tử số 22/2023 cấp ngày 24/02/2023, ông P có đăng ký kết hôn với bà Bùi Thúy Q, người đi khai tử cho ông P là ông Trịnh Phương N (con ông P).

- Căn cứ công văn số 420/CATP ngày 31/7/2023 của Công an thị trấn C và cung cấp thông tin thì ông Trịnh Vĩnh p, sinh năm 1973 có đăng ký thường trú tại số F quốc lộ B khu phố E thị trấn C, huyện C, TP . (số hộ khẩu 27496 - 001374). Quan hệ với chủ hộ là em ruột, không có thông tin vợ con của ông P tại hộ 27496-001374..."

[3] Như vậy, bị đơn ông Trịnh Vinh P đã chết sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ kiện, đây là tình tiết mới. Theo các Công văn do UBND Thị trấn C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì trong vụ án này cần phải đưa các thừa kế của ông Trịnh Vinh P vào tham gia tố tụng thì mới đảm bảo được quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm thì vấn đề này không thể bổ sung khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà là có cơ sở được chấp nhận nên cần hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 4032/2022/DS - ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục chung.

[4] Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên các yêu cầu của các đương sự sẽ được Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định sau khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên người kháng cáo không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 4032/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định sau khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Hiếu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006887 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thúy Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006885 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức, TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Hương